

Bản án số: 05/2019/DS - ST
Ngày 28- 6 - 2019
“ V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tiếp;

2. Bà Lương Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Yến là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2019/TB-TLVA ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX - DS ngày 23 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST - DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Thị T, sinh năm 1960.

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã C, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1/ Nguyễn Văn C, sinh năm 1956;

2/ Phan Ánh N, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã C, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Huỳnh Thị T có mặt tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21-02-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2016 ông C, bà N có nợ bà T số tiền là 1.500.000.000đ. Sau đó do không có khả năng trả nợ nên ông C bà N đồng ý sang nhượng đất cho bà T diện tích 20.000m² tọa lạc tại xã C, huyện H với giá 60.000.000đ/1000m² để cần trừ 1.200.000.000đ và hứa đến vụ Đông Xuân 2016-2017 sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trả nợ số tiền còn nợ 300.000.000đ. Nhưng sau đó bà T yêu cầu nhiều lần ông C bà N không thực hiện chuyển quyền và cũng không trả nợ. Đến khoảng tháng 5 năm 2017 bà T khởi kiện tại Tòa án Tân Hồng yêu cầu ông C bà N trả nợ đến khi Tòa án thụ lý giải quyết thì ông C bà N đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trả nợ 300.000.000đ với điều kiện là bà T phải cho mượn thêm 350.000.000đ để thanh toán với ngân hàng lấy giấy chứng nhận làm thủ tục chuyển nhượng và bà T đồng ý nên rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Vậy tổng cộng số tiền ông C bà N thiếu bà T trước sau là 1.850.000.000đ.

Sau đó hai bên đo đạc thực tế và làm thủ tục chuyển nhượng diện tích đất là 29.450m² x 60.000.000đ/1000m² = 1.767.700.000đ trừ số tiền thiếu 1.850.000.000đ thì ông C bà N còn nợ lại bà T 83.300.000đ. Hai bên thống nhất làm tròn nợ là 83.000.000đ và ông C bà N cam kết trả mỗi vụ 10.000.000đ (vụ đông xuân, vụ hè thu), kể từ vụ đông xuân 2018 cho đến khi dứt nợ theo tờ thỏa thuận ngày 29-6-2017 ông C bà N đã ký tên. Nhưng sau khi thỏa thuận thì thu hoạch lúa đông xuân 2018 cho đến nay là 04 vụ ông C bà N không trả nợ.

Nay bà T yêu cầu ông C bà N trả toàn bộ số tiền là 83.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn Nguyễn Văn C và Phan Ánh N: Thừa nhận là còn thiếu số tiền 83.000.000đ như nguyên đơn khai và đến nay chưa trả đồng nào là do không còn khả năng trả nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Xét ý kiến của bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn nhưng do không còn khả năng trả nợ nên không đến Tòa để hòa giải. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông C bà N trả 83.000.000đ, không có lãi cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 21-02-2019 của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T nộp trực tiếp tại Tòa án về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N. Người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nên xét thấy đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và người bị kiện có địa chỉ cư trú tại huyện Tân Hồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 29-6-2017 bị đơn viết tờ thỏa thuận và hẹn trả là từ vụ đông xuân 2018 mỗi vụ trả 10.000.000đ cho đến khi trả dứt nợ, nhưng bị đơn không thực hiện thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả hết toàn số số tiền 83.000.000đ. Như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ đối với nguyên đơn và từ ngày bị đơn vi phạm đến khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 21-02-2019 là không quá 03 năm. Nên theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Văn C và Phan Ánh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Huỳnh Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N trả tiền nợ là 83.000.000đ, không có lãi.

Xét thấy: Số tiền 83.000.000đ nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả có nguồn gốc từ tiền bị đơn vay của nguyên đơn tổng cộng là 1.850.000.000đ. Sau đó hai bên thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 29.450m² với giá 60.000.000đ/1000m² thành số tiền là 1.767.700.000đ. Do đó, bị đơn còn thiếu lại nguyên đơn 83.300.000đ, hai bên thống nhất làm tròn là 83.000.000đ và cam kết trả dần theo vụ lúa, mỗi vụ 10.000.000đ kể từ vụ đông xuân năm 2018 theo tờ thỏa thuận ngày 26-9-2017 (hai bên đương sự đều thừa nhận). Nhưng sau đó bị đơn không trả theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên đã thực hiện xong không ai tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

Xét thấy: Ngày 04-3-2019 ông C bà N từ chối nhận Thông báo thụ lý vụ án ngày 01-3-2019 của Tòa án gọi cho Ông, Bà về việc bà T khởi kiện yêu cầu Ông, Bà trả số nợ là 83.000.000đ với lý do không còn tài sản để thanh toán nợ.

Đến ngày 27-3-2019 Ông, Bà cũng từ chối nhận thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù thư ký đã đọc toàn bộ nội dung văn bản và giải thích pháp luật cho Ông, Bà về vấn đề nhận văn bản của Tòa án để bảo vệ lợi ích của mình và có quyền không đến Tòa án nhưng ông C bà N cho rằng đã nghe rõ nội dung văn bản và biết pháp luật nên đồng ý chịu hậu quả của việc từ chối nhận văn bản. Ông C bà N không có văn bản ý kiến nộp cho Tòa án cũng như không phản đối gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, cũng không đến Tòa để hòa giải vào ngày 03-4-2019 nên Tòa án hoãn phiên hòa giải và Thông báo cho Ông Bà biết ngày hòa giải lại là ngày 07-5-2019. Ngày 04-4-2019 Tòa án đến tại nhà Ông Bà để tổng đạt Thông báo hoãn phiên họp và hòa giải và ghi lời khai thì ông bà thừa nhận là có nợ bà T 83.000.000đ chưa trả nhưng do không còn tài sản để trả nên không ký biên bản, không đến Tòa, không nhận văn bản tố tụng của Tòa, không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vì đất đã giao cho bà T quản lý sử dụng (có sự chứng kiến của Phó trưởng Công an xã Lê Văn D). Đến ngày 7-5-2019 hòa giải lại Ông Bà cũng không đến để hòa giải. Do đó, việc ông Công bà N thiếu tiền của bà T là có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự “1. ...2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh ...”. Ông C bà N cũng không có mặt trong hai lần mở phiên tòa xét xử, dù đã được biết việc mở phiên tòa và được giải thích pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông C bà N trả số tiền còn thiếu gốc là 83.000.000đ, không có lãi theo quy định tại Điều 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Nguyễn Văn C bà Phan Ánh N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ trả nợ là $83.000.000đ \times 5\% = 4.150.000đ$.

Bà Huỳnh Thị T không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị T tiền vay còn thiếu gốc là 83.000.000đ (Tám mươi ba triệu đồng), không có lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.150.000đ (Bốn triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Huỳnh Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.075.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BG/2015 0002289 ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án huyện Tân Hồng.

Báo cho các nguyên đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28-6-2019). Bị đơn Nguyễn Văn C và Phan Ánh N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Đỗ Thị Thùy Dung